HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04 /2022/NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mứcphân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiệnChương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 5785/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số 60 /BC-BDT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2022.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ:TC, KH&ĐT;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, Tm.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm *(gồm ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương)* thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh (*sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành*); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố *(sau đây gọi tắt là địa phương)*; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm

1. Tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu của Chương trình nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá mức tổng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhất là các xã, thôn đăng ký ra khỏi khu vực đặc biệt khó khăn, hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt hợp vệ sinh; đầu tư, nâng cấp các công trình đường giao thông đến trung tâm xã, thôn; đầu tư cơ sở vật chất cho y tế, giáo dục; hỗ trợ đào tạo nghề; bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự linh động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, lợi thế từng địa phương đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Phân bổ kế hoạch vốn hàng năm cho các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

7. Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

8. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức và phương pháp phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng sở, ban, ngành theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Quy định này.

2. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các địa phương được tổng hợp từ vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của địa phương đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i cho các địa phương xác định như sau:

$$\text{Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương A} = \frac{\text{Tổng vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, nội dung thứ i – (vốn phân bổ cho các Sở, ban ngành của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i)}}{\text{Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương}} \times \text{Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương A}$$

Trong đó:

- Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương A: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí phân bổ vốn thực hiện các dự án được quy định tại Điều 5 đến Điều 14 của Quy định này.

- Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương: là tổng điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

4. Căn cứ xác định xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư Chương trình

- Xã đặc biệt khó khăn *(xã ĐBKK)* được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Thôn đặc biệt khó khăn *(thôn ĐBKK)* không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBDT) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu rà soát phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (thời điểm rà soát: 31/12/2019).

5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh bố trí đối ứng 100% vốn đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục của huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh.

- Các dự án khác vốn ngân sách cấp tỉnh bố trí 70% và vốn ngân sách cấp huyện bố trí 30% (bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp).

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 xa
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng (1+2+3+4)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các

tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 xa
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	-	-	

Số lượng (a, b, c, ...) căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 9% tổng số vốn của Tiểu dự án 2 để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(trong đó: Ban Dân tộc không quá 3,8%; Sở Công Thương không quá 0,7%; Liên minh Hợp tác xã không quá 0,5%; Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh tỉnh không quá 0,5%, Hội Nông dân tỉnh không quá 0,5%; Sở Y tế không quá 3%).*

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	5	b	5 x b

	(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)			
3	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	c	0,15 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Điều 7. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	a	40 x a
2	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	b	8 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	15	b	15 x b
3	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	c	16 x c
4	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	d	44 x d
5	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	đ	8 x đ
6	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	e	0,3 x e
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	-	-	

Số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa; trạm y tế xây mới hoặc nâng cấp, sửa chữa; chợ được xây mới, nâng cấp sửa chữa... căn cứ số liệu tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	a	2,5 x a
	Tổng cộng (1)	-	-	

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,8	b	1,8 x b
3	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	c	0,03 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Số liệu về hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Không.

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện đầu tư đối Trường Dân tộc nội trú tỉnh, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như phân bổ đối với các địa phương.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	i	2 x i
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8+9)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d, ...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo mua sắm trang thiết bị cho trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh.

- Phân bổ vốn cho các địa phương mua sắm trang thiết bị cho các trường Phổ thông Dân tộc Nội trú cấp huyện có bổ sung xây dựng, cải tạo, nâng cấp.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	a	500 x a
	Tổng cộng (1)	-	-	

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: 50% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2

để thực hiện nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: 50% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 để thực hiện nội dung Bồi dưỡng tiếng dân tộc.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Không quá 10% tổng vốn Tiểu dự án 3.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng (1)	-	-	

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

a) Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 20% tổng vốn của Tiểu dự án 4.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

Điều 9. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 5% vốn đầu tư của Dự án *(trong đó: Sở Văn hóa và Thể thao không quá 4%; Sở Du lịch không quá 1%).*

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, tổ dân phố truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
	Tổng cộng (1+2+3+4)			

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ cho sở, ban, ngành: Không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của Dự án (trong đó: Sở Văn hóa và Thể thao không quá 16%; Sở Du lịch không quá 4%).

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	a	10x a
2	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số…)	3,5	b	3,5 x b
3	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	c	0,6 x c
4	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá	2	d	2 x d

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	dân gian…)			
5	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	đ	0,5 x đ
6	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	e	20 x e
7	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	g	10 x g
8	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	h	3 x h
9	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	i	0,3 x i
10	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	k	0,3 x k
11	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	l	5 x l
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8+9+10+11)	-	-	

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

Điều 10. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Điều 11. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cần thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	2	b	2 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

Điều 12. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn

1. Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 1% tổng vốn Tiểu dự án 1.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng (1)	-	-	

Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn (a) được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Ban Dân tộc: Không quá 16% vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các

tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)	-	-	

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của huyện.

Điều 13. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cho Sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp (*trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 61%; Sở Tư pháp không quá 1%; Sở Thông tin và Truyền thông không quá 3%; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh không quá 2%).*

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng (1)	-	-	

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 25% tổng vốn đầu tư của Tiểu dự án 2 *(trong đó: Ban Dân tộc không quá 24,5%; Liên minh Hợp tác xã không quá 0,5%).*

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã*)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 (*trong đó: Ban Dân tộc không quá 50%; Liên minh Hợp tác xã không quá 15%; Sở Thông tin và Truyền thông không quá 2%*).

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã*)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng (1+2)	-	-	

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3 *(Trong đó: Ban Dân tộc không quá 22,5%; Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 10%; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 2,5%; các sở, ngành: Ban Dân vận Tỉnh ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hoá và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh không quá 1%/ sở, ngành).*

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giao cho các cơ quan chủ dự án thành phần chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan căn cứ vào các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về định mức vốn cho từng dự án, tiểu dự án và các nội dung có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025./.